

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-07-2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Hà

Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 07 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc: Ly hôn. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngọc Thị Thu T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 2, Thôn H, thị trấn A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngọc Thị Thu T trình bày: Tôi và anh N kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 21/3/2015 tại UBND thị trấn A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N ham mê cờ bạc, mãi chơi không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng liên tiếp xảy ra. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 2/2018 cho đến nay không ai quan đến cuộc sống của ai cả. Nay tôi xác định

tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh N.

* Về con chung: Có 01 cháu: Đặng Ngọc Thanh T sinh ngày 04/11/2015. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu anh N tại thôn L, xã H, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Những lần Tòa án gửi các giấy tờ cho anh Nam, chị Đoàn Thị Ngọc L là bưu tá xã H đã nhận các giấy tờ của Tòa án và thông báo nội dung cho anh N biết việc Tòa án báo gọi nhưng anh N cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh N. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc Thị Thu T và anh Đặng Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 21 tháng 3 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân mâu

thuần là do anh N ham mê cờ bạc, mãi chơi không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng liên tiếp xảy ra. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 2/2018 cho đến nay không ai quan đến cuộc sống của ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn anh N là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định hiện nay chị T và anh N đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Đặng Ngọc Thanh T sinh ngày 04/11/2015. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu T đang ở cùng chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu T được ổn định, đầy đủ. Do vậy cần giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngọc Thị Thu T được ly hôn anh Đặng Văn N.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Đặng Ngọc Thanh T sinh ngày 04/11/2015 cho chị Ngọc Thị Thu T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Ngọc Thị Thu T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/04807 ngày 21/5/2018 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngọc Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Văn N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn A.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng